

**CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG**

Mã số: 8310110

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 366/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 5 năm 2024
của Trường Đại học Hải Dương)*

Tên chương trình đào tạo tiếng Việt : Thạc sĩ Quản lý kinh tế

Tên chương trình đào tạo tiếng Anh : Master of Economic Management

Trình độ đào tạo : Thạc sĩ

Định hướng : Ứng dụng

Ngành đào tạo : Quản lý kinh tế

Mã ngành : 8310110

Chuyên ngành đào tạo : Quản lý kinh tế

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng, giúp học viên có kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn về quản lý kinh tế;

Học viên tốt nghiệp thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế có khả năng làm việc độc lập, đủ năng lực để giải quyết các vấn đề chuyên môn có độ phức tạp cao tại cơ quan nhà nước, đơn vị, doanh nghiệp; Có năng lực tổ chức, quản lý điều hành; Có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.

1.2. Mục tiêu cụ thể (PG)

a) Mục tiêu kiến thức

PG1: Đào tạo các nhà quản lý kinh tế nắm vững tri thức ngành quản lý kinh tế để có thể nghiên cứu, giảng dạy và làm việc trong các cơ quan, tổ chức kinh tế từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Có khả năng tổ chức quản lý kinh tế, phân tích hoạt động kinh tế và tổ chức tư vấn tại các đơn vị và tổ chức khác. Nắm vững tri thức về triết học cũng như quan điểm, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về kinh tế.

b) Mục tiêu kỹ năng

PG2: Người học sau khi tốt nghiệp có các kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá,

nghiên cứu vấn đề và xử lý các tình huống quản lý kinh tế nảy sinh trong thực tiễn tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp; Dự báo, phân biện, hoạch định, tổ chức, quản lý các kế hoạch, chương trình, dự án, chính sách kinh tế tại các cấp quản lý theo ngành, lĩnh vực và tại doanh nghiệp; Thảo luận, giao tiếp và làm việc nhóm; Có kỹ năng viết, trình bày và phân biện báo cáo, đề án, tình huống thuộc lĩnh vực chuyên môn; Có năng lực tham mưu tư vấn cho các cấp lãnh đạo quản lý trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức cũng như điều khiển các hoạt động kinh tế; Có thể làm việc độc lập nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý kinh tế.

c) Thái độ, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm

PG3: Có ý chí vượt khó, tinh thần tích cực; Có đủ năng lực làm việc độc lập, tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với công việc phụ trách; Có tư tưởng chính trị ổn định, có chứng kiến; Hiểu biết và chấp hành luật pháp và qui định của tổ chức; Có khả năng phát triển bản thân và tự thích nghi với sự thay đổi của môi trường; Có sức khỏe tốt để làm việc.

2. Chuẩn đầu ra

Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế bậc thạc sĩ theo định hướng ứng dụng gồm 11 chuẩn đầu ra (PLO). Học viên tốt nghiệp phải đạt các yêu cầu năng lực sau đây:

2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

a) Kiến thức chung

- ***PLO1:*** Hiểu được thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng, các quy luật và ứng dụng trong học tập, nghiên cứu và học tập các học phần khác. Có phương pháp luận và khả năng nghiên cứu, tư duy logic, phân tích, giải quyết được những vấn đề mới trong lĩnh vực quản lý, kinh tế, quản trị về cả lý luận và thực tiễn trong bối cảnh phát triển kinh tế của Việt Nam và thế giới ngày nay.

b) Kiến thức cơ sở ngành

PLO2: Có kiến thức cơ bản về nguyên lý quản trị, kinh tế và quản lý gồm kinh tế học nâng cao, khoa học quản lý, kinh tế quốc tế v.v; Hiểu và vận dụng dụng các qui định pháp luật của nhà nước về kinh tế, kinh doanh; Vận dụng các quy luật kinh tế, kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế để giải quyết những tình huống cụ thể.

b) Kiến thức chuyên ngành

- ***PLO3:*** Hiểu và áp dụng kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế trong thực tiễn như: Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý thuế, Quản lý tài chính công, Quản lý dự án đầu tư, Phân tích Kinh tế - Tài chính; Quản lý nhà nước về kinh tế, Quản lý thương mại quốc tế, Quản lý tài sản công, Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ v.v.

- ***PLO4:*** Đánh giá được thực trạng và những vấn đề, tình huống phát sinh trong thực tiễn, áp dụng kiến thức quản lý kinh tế, đồng thời có khả năng sử dụng sáng tạo các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường luôn thay đổi.

2.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

a) Kỹ năng hoạch định, tư vấn

PLO5: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, phản biện, hoạch định, tư vấn xây dựng, phối hợp đưa ra các quyết định để giải quyết, ứng biến các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quản lý kinh tế; Có kỹ năng xây dựng kế hoạch, thẩm định kế hoạch, phát huy trí tuệ tập thể trong công tác quản lý và hoạt động chuyên môn; Đề xuất các giải pháp để giải quyết các vấn đề chuyên môn về quản lý kinh tế.

b) Kỹ năng lãnh đạo, điều hành tổ chức

PLO6: Có kỹ năng lãnh đạo, tổ chức và điều hành đơn vị; Kỹ năng tổ chức hội họp; Truyền đạt, giới thiệu kiến thức mới về Quản lý kinh tế; Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công liên quan đến quản lý kinh tế.

c) Kỹ năng giao tiếp, thảo luận, báo cáo, làm việc nhóm và tạo dựng các mối quan hệ

PLO7: Đàm phán, diễn thuyết, thảo luận và giao tiếp có hiệu quả trong hoạt động của lĩnh vực chuyên môn và trong cuộc sống. Xây dựng được các mối quan hệ tốt với đồng nghiệp tại cơ quan và cộng đồng. Quy tụ và điều phối đội nhóm. Có khả năng viết, phản biện và trình bày báo cáo về lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

d) Kỹ năng ngoại ngữ

PLO8: Có khả năng đọc hiểu và trình bày báo cáo chuyên môn về quản lý kinh tế bằng ngoại ngữ. Đạt năng lực tiếng Anh chuẩn đầu ra theo qui định của Bộ giáo dục và đào tạo.

2.3. Chuẩn đầu ra về thái độ, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm

a) Thái độ

PLO9: Cầu thị, ham học hỏi, vượt khó vươn lên trong học tập và công tác; Phân đấu trở thành chuyên gia, cán bộ giỏi và chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế; có trách nhiệm với công việc được giao; Tích cực tham gia các hoạt động chính trị - văn hóa - xã hội; Thực hiện tốt trách nhiệm công dân và có quan hệ cộng đồng tốt; Chấp hành đường lối, chủ trương của đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, qui định tại nơi làm việc.

b) Mức độ tự chủ

PLO10: Tự định hướng, tự thích nghi với môi trường làm việc khác nhau, tự học tập, cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức mới về quản trị, quản lý kinh tế. Giải quyết được các vấn đề, tình huống phát sinh trong lĩnh vực chuyên môn một cách khoa học và sáng tạo.

c) Mức độ tự chịu trách nhiệm

PLO11: Có phẩm chất đạo đức của nhà quản lý, tác phong chuyên nghiệp, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có

khả năng quy tụ, dẫn dắt và phát huy trí tuệ và tinh thần tập thể trong công tác quản lý và chuyên môn.

Ghi chú: Trình độ năng lực đánh giá theo thang năng lực Bloom, cụ thể:

1- Chuẩn kiến thức (1-6): 1- Ghi nhớ; 2- Hiểu; 3- Áp dụng; 4- Phân tích; 5- Đánh giá; 6- Sáng tạo

2 - Chuẩn kỹ năng (1-5): 1- Bắt chước; 2- Làm được; 3- Chính xác; 4- Phối hợp; 5- Thuần thục.

3 - Chuẩn mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm (1-5): 1- Tiếp nhận; 2- Đáp ứng; 3- Đánh giá thảo luận; 4- Tổ chức thực hiện; 5- Đặc trưng hóa.

3. Thời gian đào tạo: Từ 20 đến 24 tháng

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 60 tín chỉ

4.1. Số học phần phải tích lũy: 21 học phần

4.2. Số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ.

- Khối kiến thức chung: 6 tín chỉ

- Khối kiến thức cơ sở và kiến thức ngành: 39 tín chỉ, trong đó:

+ *Bắt buộc: 21 TC (kiến thức cơ sở: 2 HP (5 TC); kiến thức ngành: 5 HP (16 TC)*

+ *Tự chọn: 18 TC (kiến thức cơ sở: 3 HP 6 TC; kiến thức ngành: 6 HP 12 TC)*

- Thực tập: 6 TC

- Đề án tốt nghiệp: 9 TC. Đề tài đề án tốt nghiệp thạc sĩ do học viên đề xuất phù hợp với định hướng chuyên sâu của các học phần ngành bắt buộc.

5. Đối tượng tuyển sinh

Theo qui chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng của Trường Đại học Hải Dương.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Theo qui chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và qui định của Trường Đại học Hải Dương về đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Hoàn thành các học phần thuộc chương trình đào tạo.

- Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Theo thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ngày 30 tháng 8 năm 2021.

- Có đủ điều kiện bảo vệ đề án tốt nghiệp theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng của Trường Đại học Hải Dương và bảo vệ đề án đạt yêu cầu.

- Bảo vệ đề án tốt nghiệp đạt yêu cầu.

7. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ theo hướng ứng dụng,

người học có khả năng đảm nhận các vị trí công việc tại đơn vị, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước, các trường đại học, các viện nghiên cứu cụ thể:

- Làm chuyên viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, bộ, sở ban ngành, đơn vị hành chính sự nghiệp và địa phương, doanh nghiệp liên quan đến quản trị, quản lý kinh tế; tổ chức, hoạch định, xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế; quản lý thương mại; quản lý tài sản công, quản lý thuế v.v.

- Làm chuyên gia tư vấn, phân tích và thực thi chính sách cho các doanh nghiệp, cơ quan quản lý, trên cơ sở đó tư vấn giúp các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước thực hiện đúng các chủ trương, chính sách kinh tế của nhà nước.

- Làm giảng viên giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học khối ngành Kinh tế, Quản trị.

- Tự thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp: Học viên có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu nâng cao trình độ ở bậc tiến sĩ khối ngành Kinh tế, Quản lý tại các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài; Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức mới và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí và môi trường công tác cụ thể.

8. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường Đại học Hải Dương

9. Nội dung chương trình

9.1. Cấu trúc kiến thức

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Kiến thức chung	06
II	Kiến thức cơ sở	11
	2.1. Học phần bắt buộc	5
	2.2. Học phần tự chọn	6
III	Kiến thức ngành	43
	3.1. Học phần bắt buộc	16
	3.2. Học phần tự chọn	12
	3.3. Thực tập	6
	3.4. Đề án tốt nghiệp	9
Tổng số học phần/tín chỉ		21/60

9.2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (Tín chỉ)		
	Mã hiệu	Số hiệu		Tổng số	LT	TL/TT /TH
I	Khối kiến thức chung:			6	3	3
1	TH	501	Triết học	4	2	2
2	PPNC	502	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
II	Khối kiến thức cơ sở:			11	6	5
2.1	Học phần bắt buộc:			5	3	2
1	KTVM	503	Kinh tế vĩ mô nâng cao	2	1	1
2	KHQL	504	Khoa học quản lý	3	2	1
2.2	Học phần tự chọn: (chọn 3/9 học phần)			6	3	3
1	TACN	505	Tiếng Anh chuyên ngành	2	1	1
2	KTCC	506	Kinh tế công cộng	2	1	1
3	KTQT	507	Kinh tế quốc tế	2	1	1
4	KTPT	508	Kinh tế phát triển	2	1	1
5	KTĐT	509	Kinh tế đầu tư	2	1	1
6	KTL	510	Kinh tế lượng	2	1	1
7	QTCL	511	Quản trị chiến lược	2	1	1
8	LKT	512	Luật kinh tế	2	1	1
9	QTH	513	Quản trị học nâng cao	2	1	1
II	Khối kiến thức ngành			28	15	13
3.1	Học phần bắt buộc:			16	9	7
1	QLNN	514	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	2	1
2	DADT	515	Quản lý dự án đầu tư	3	2	1
3	QTDN	516	Quản trị doanh nghiệp	3	2	1
4	QLTCC	517	Quản lý tài chính công	2	1	1
5	PTKT	518	Phân tích Kinh tế - Tài chính	3	2	1
6	CĐTT	519	Chuyên đề thực tế	2		2
3.2	Học phần tự chọn: (chọn 6/10 học phần)			12	6	6

Số TT	Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (Tín chỉ)		
	Mã hiệu	Số hiệu		Tổng số	LT	TL/TT/TH
1	TCTT	520	Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ	2	1	1
2	QLT	521	Quản lý thuế	2	1	1
3	QLTSC	522	Quản lý tài sản công	2	1	1
4	QLNNL	523	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực	2	1	1
5	QLDL	524	Quản lý nhà nước về du lịch	2	1	1
6	QLNT	525	Quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn	2	1	1
7	QLTN	526	Quản lý tài nguyên và môi trường	2	1	1
8	QLKH	527	Quản lý khoa học và công nghệ	2	1	1
9	QLTM	528	Quản lý thương mại quốc tế	2	1	1
10	TLLĐ	529	Tâm lý lãnh đạo quản lý	2	1	1
3.3	TT	530	Thực tập	6		6
3.4	ĐATN	531	Đề án tốt nghiệp	9		9

(Ghi chú: LT - Lý thuyết; TL/TT/TH - Thảo luận/Thực tế/Thực hành).